

KINH 74. VÁNG NGHỆ¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có năm thọ ấm, đó là: Sắc thọ ấm và thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Phàm phu ngu si không học không biết như thật về sắc, về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc. Vì không biết như thật, nên đối với sắc có sự thích thú, ngợi khen, đắm trước, bị dính mắc mà trụ; bị trói buộc bởi dây trói của sắc, bị trói buộc bởi dây trói bên trong, không biết nguồn gốc, không biết biên tế, không biết xuất ly.

“Đó gọi là kẻ phàm phu ngu si không học, vì bị trói buộc nên sanh, vì bị trói buộc nên chết, vì bị trói buộc từ đời này sang đời khác, nên người này sanh ra cũng vì sự trói buộc mà chết đi cũng vì sự trói buộc.

“Đó gọi là kẻ phàm phu ngu si không học, bị ma khống chế, vào trong lưới ma, theo ma biến hóa², bị ma trói buộc, bị ma lôi kéo. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

“Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về sắc, về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc. Vì đã biết như thật, nên không tham vui sắc, không ngợi khen, không bị dính mắc mà trụ; không bị trói buộc bởi dây trói của sắc, không bị trói buộc bởi dây trói bên trong, biết nguồn gốc, biết biên tế, biết xuất ly.

“Đó gọi là đa văn Thánh đệ tử, không bị lệ thuộc vào sự trói buộc mà sanh, không bị lệ thuộc vào sự trói buộc mà chết, không bị lệ thuộc vào sự trói buộc từ đời này sang đời khác; không bị ma khống chế, không bị rơi vào tay ma, không bị ma tạo tác³, không bị ma trói buộc, giải thoát sự trói buộc của ma, lìa khỏi sự dẫn dắt của ma. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.”

1. Pāli, S. 22. 117. Bandhana; 22. 65. Abhinnandamāna.

2. Ma sở hóa -]—F đoạn dưới nói là ma sở tác -]—@.

3. Xem cht.45 trên.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 75. QUÁN⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có năm thọ ẩm. Đó là, sắc thọ ẩm. Tỳ-kheo đối với sắc nhằm tởm, ly dục, tịch diệt, không làm sanh khởi, giải thoát. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức; nhằm tởm, ly dục, tịch diệt, không làm sanh khởi, giải thoát. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, đối với sắc nhằm tởm, ly dục, tịch diệt, không làm sanh khởi, giải thoát. Đó gọi là A-la-hán tuệ giải thoát. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức; nhằm tởm, ly dục, tịch diệt, không làm sanh khởi, giải thoát. Đó gọi là A-la-hán tuệ giải thoát.

“Này Tỳ-kheo, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác và A-la-hán tuệ giải thoát có sự sai biệt nào?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Như Lai là gốc của pháp, là con mắt của pháp, là nơi nương tựa của pháp. Cúi xin Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà nói rộng nghĩa này. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ thực hành theo.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

“Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác chưa từng nghe pháp nhưng có thể tự mình giác ngộ pháp, tự thông đạt Vô thượng Bồ-đề, rồi để giác ngộ cho hàng Thanh văn trong đời vị lai mà nói pháp, đó là, bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, tám Thánh đạo. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được những gì chưa đạt, được những cái lợi chưa từng được lợi, biết đạo, phân biệt đạo, nói đạo, thông suốt

⁴ Pāli, S. 22. 58. Sambuddha.

đạo; lại có thể thành tựu cho các Thanh văn, truyền dạy, răn bảo; như vậy mà thuận theo thiện pháp, hoan hỷ thiện pháp. Đó gọi là sự sai biệt giữa Như Lai và A-la-hán.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 76. DỤC⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có năm thọ ấm. Đó là, sắc thọ ấm và thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm.

“Này các Tỳ-kheo, hãy quán sát sắc. Sau khi quán sát sắc, thấy có ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thưa không, Thế Tôn.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Sắc là vô ngã. Cái gì vô ngã thì vô thường, vô thường thì khổ. Nếu khổ thì kia tất cả đều chẳng phải ngã, không phải khác ngã, không ở trong nhau. Hãy quán sát như vậy.

“Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

“Đa văn Thánh đệ tử đối với năm thọ ấm này quán sát là chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở. Khi đã quán sát như vậy rồi, đối với thế gian không có gì để chấp thủ. Khi đã không có gì để chấp giữ thì sẽ không có gì để đấm trước. Khi đã không có gì để đấm trước thì sẽ tự giác ngộ Niết-bàn: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

⁵. Pāli, S. 22. 118-119. Parimucchita.

KINH 77. SANH (1)⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Hãy đoạn trừ dục tham ở nơi sắc. Dục tham đã đoạn trừ rồi thì sắc đoạn. Khi sắc đoạn rồi, thì được biến tri về đoạn⁷. Khi được biến tri về đoạn, thì gốc rễ bị đoạn. Như chặt ngọn cây Ta-la, sau này không còn tái sinh được nữa. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức, dục tham đoạn... cho đến, đời sau không tái sinh được nữa.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 78. SANH (2)⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Nếu sắc khởi, trụ, xuất thì khổ ở đây khởi, bệnh ở đây trụ, già, chết ở đây xuất. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

“Tỳ-kheo, nếu sắc diệt, ngừng nghỉ, biến mất thì khổ ở đây diệt, bệnh ở đây dừng, già chết ở đây biến mất. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 79. SANH (3)⁹

Tôi nghe như vậy:

⁶. Pāli, 22. 25. Chadarāga.

⁷. Đoạn tri — —A hay đoạn biến tri, nhận thức toàn diện về sự đoạn trừ, tức đã đoạn trừ triệt để. Pāli: pahāna-pariññā.

⁸. Pāli, S. 22. 30. Uppādam.

⁹. Pāli, S. 22. 9-11. Atītanāgatapaccuppanna.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Sắc quá khứ, vị lai còn là vô thường, hống nữa là sắc hiện tại. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy rồi, không nuối tiếc sắc quá khứ, không cầu mong sắc vị lai và đối với sắc hiện tại thì nhàm chán, ly dục, diệt tận. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

“Tỳ-kheo, nếu không có sắc quá khứ, đa văn Thánh đệ tử không có việc không nuối tiếc sắc quá khứ; vì có sắc quá khứ cho nên đa văn Thánh đệ tử không nuối tiếc sắc quá khứ. Nếu không có sắc vị lai, đa văn Thánh đệ tử không có việc không cầu mong sắc vị lai rồi; vì có sắc vị lai cho nên đa văn Thánh đệ tử không cầu mong sắc vị lai. Nếu không có sắc hiện tại, đa văn Thánh đệ tử không có việc đối với sắc hiện tại mà nhàm chán, hướng đến lìa dục, diệt tận; vì có sắc hiện tại cho nên đa văn Thánh đệ tử đối với sắc hiện tại mà nhàm chán, hướng đến lìa dục, diệt tận. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 80. PHÁP ẤN¹⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Ta sẽ nói về Thánh pháp ấn và Kiến thanh tịnh. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ.

“Nếu có Tỳ-kheo nói như vậy, Tôi đối với tam-muội Không¹¹ chưa có sở đắc, mà khởi Vô tướng, Vô sở hữu, là được tri kiến kiêu mạn.’ Thì đừng nên nói như vậy. Vì sao? Vì nếu đối với Không chưa đạt được, mà nói là Tôi đã đạt được Vô tướng, Vô sở hữu, là được tri kiến kiêu mạn, thì việc này sẽ không xảy ra.

“Nếu có Tỳ-kheo nói như vậy, ‘Tôi đã đạt được Không, có khả năng khởi lên Vô tướng, Vô sở hữu, là được tri kiến kiêu mạn.’ Thì đây là lời nói chính xác. Vì sao? Vì nếu đã đạt được Không rồi, thì sẽ có khả năng khởi lên Vô tướng, Vô sở hữu, là được tri kiến kiêu mạn; điều này chắc chắn có thể xảy ra.

“Thế nào là đối với Kiến thanh tịnh của Thánh đệ tử?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Phật là gốc pháp, là con mắt pháp, là nơi nương tựa của pháp. Cúi xin hãy vì chúng con mà nói. Các Tỳ-kheo sau khi nghe pháp xong, sẽ thực hành theo lời dạy.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo nào, ngồi dưới gốc cây, chỗ trống vắng, mà khéo quán sát sắc là vô thường, là pháp ma diệt, ly dục. Cũng vậy, quán sát thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, là pháp ma diệt, ly dục. Quán các thọ ấm kia là vô thường, là pháp ma diệt, không bền chắc, biến dịch, thì tâm sẽ được an lạc, thanh tịnh, giải thoát. Đó gọi là Không. Quán sát như vậy cũng không thể là kiêu mạn, có tri kiến thanh tịnh.

“Lại có tam-muội chánh tư duy, là quán sát sự đoạn tận của tướng sắc, sự đoạn tận của tướng thanh, hương, vị, xúc, pháp. Đó gọi

¹⁰. Không thấy Pāli tương đương.

¹¹. Không, Vô tướng, Vô nguyện: ba Tam-muội môn.

là vô tướng. Quán sát như vậy cũng chưa lìa kiêu mạn, có tri kiến thanh tịnh.

“Lại có tam-muội chánh tư duy, là quán sát sự đoạn trừ tướng tham, tướng sân nhuế, tướng ngu si. Đó gọi là Vô sở hữu. Quán sát như vậy cũng chưa lìa kiêu mạn, có tri kiến thanh tịnh.

“Lại có tam-muội chánh tư duy, là quán sát ngã và ngã sở từ đâu sanh ra?

“Lại có tam-muội chánh tư duy, là quán sát về ngã, ngã sở từ thấy, nghe, ngửi, nếm, chạm, biết mà sanh ra.

“Lại quán sát, do nhân gì, duyên gì mà có thức; nhân, duyên của thức kia là thường hay vô thường?

“Lại tư duy do nhân gì, duyên gì mà có thức; nhân kia, duyên kia của thức đều là vô thường. Lại nữa, nhân kia, duyên kia tất cả đều là vô thường, thức được sanh bởi đó làm sao là thường được? Vô thường là hành của hữu vi, từ duyên khởi, là pháp tai hại, là pháp hoại diệt, là pháp ly dục, là pháp đoạn tri¹². Đó gọi là Thánh pháp ấn, Tri kiến thanh tịnh.

“Đó là nói rằng, ‘Tỳ-kheo Ta sẽ nói về Thánh pháp ấn và Kiến thanh tịnh.’ Được nói rộng như vậy.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 81. PHÚ-LAN-NA¹³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú Tỳ-da-ly, trong giảng đường Trùng các, bên bờ ao Di-hầu.

Bấy giờ có người Ly-xa¹⁴ tên là Ma-ha-nam¹⁵, thường ngày hay du hành đến chỗ Đức Phật. Ly-xa này bấy giờ tự nghĩ: ‘Nếu ta đến sớm chỗ Phật, thì hiện giờ Đức Thế Tôn và các Tỳ-kheo quen biết của

¹². Xem cht.50 kinh 77 trên.

¹³. Pāli, S. 22. 60. Mahāli.

¹⁴. Ly-xa ——. Pāli, Liccha, một thị tộc hùng mạnh thời Phật.

¹⁵. Ma-ha-nam —F-k. Pāli: Mahānāma. Nhưng bản Pāli nói là Mahāli.

ta đều đang thiên tư. Bây giờ ta nên đến chỗ ngoại đạo A-kỳ-tỳ nơi bảy cây Yêm-la.’ Rồi ông đến chỗ ở của Phú-lan-na Ca-diếp¹⁶ này.

Hiện Phú-lan-na Ca-diếp đang là thủ lãnh chúng ngoại đạo gồm năm trăm người, đang vây quanh trước sau, tiếng cười đùa huyền não, bàn luận việc thế gian. Bấy giờ, Ca-diếp từ xa nhìn thấy Ly-xa Ma-ha-man đang đến, liền bảo các quyến thuộc của mình nên giữ yên tĩnh, “Các ông nên giữ yên lặng. Đó là Ly-xa Ma-ha-man, là đệ tử của Sa-môn Cù-đàm. Ông ta là đệ tử tại gia của Sa-môn Cù-đàm và cũng là người đứng đầu ở Tỳ-da-ly. Ông ta luôn thích sự tĩnh lặng và khen ngợi sự tĩnh lặng. Chỗ ông ta đến là nơi đồ chúng tĩnh lặng, vì thế cho nên các ông nên giữ sự yên lặng.”

Khi Ma-ha-nam đến chỗ đồ chúng Phú-lan-na, cùng với Phú-lan-na thăm hỏi sức khỏe nhau, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Ma-ha-nam hỏi Phú-lan-na rằng:

“Tôi nghe Phú-lan-na vì các đệ tử nói pháp rằng, sự cấu uế hiện có của chúng sanh không do nhân, không do duyên và, sự thanh tịnh hiện có của chúng sanh cũng không nhân, không duyên. Hiện thế gian đang truyền luận thuyết này. Có thật đây là những lời hủy báng nhau của người ngoài, hay người đời bày đặt ra? Đó là pháp, hay phi pháp? Ông có cùng tranh luận với người đời, bị nạn vấn, bị chỉ trích không?”

Phú-lan-na Ca-diếp đáp:

“Thật sự, có luận thuyết này, chứ không phải là người đời ngoa truyền. Tôi đã lập ra luận thuyết này. Đó là luận như pháp. Tôi đã nói pháp này. Tất cả đều thuận theo pháp. Không có người thế gian nào đến đây nạn vấn và chỉ trích. Vì sao? Ma-ha-nam, tôi thấy như vậy, nói như vậy: ‘Sự cấu uế hiện có của chúng sanh là không nhân, không duyên và sự thanh tịnh hiện có của chúng sanh là không nhân, không duyên.’”

Khi Ma-ha-nam nghe những gì Phú-lan-na đã nói, lòng không vui, chỉ trích, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. Ông đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu mặt lạy sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem tất cả mọi chuyện đã bàn luận cùng Phú-lan-na trình hết lên Thế Tôn.

Phật bảo Ly-xa Ma-ha-nam:

¹⁶. Phú-lan-na Ca-diếp -I-----{—. Pāli: Pūraṇa Kassapa.

“Đó là những lời nói không cân nhắc¹⁷ của Phú-lan-na, không đáng để ghi nhớ. Như vậy, Phú-lan-na là người ngu si, thiếu hiểu biết, không thiện xảo, khi chủ trương không nhân mà nói như vậy: ‘Sự cấu uế hiện có của chúng sanh là không nhân, không duyên và sự thanh tịnh hiện có của chúng sanh cũng không nhân, không duyên.’ Vì sao? Có nhân, có duyên khiến chúng sanh có cấu uế; có nhân, có duyên khiến chúng sanh thanh tịnh.

“Ma-ha-nam, do nhân gì, duyên gì mà chúng sanh có cấu uế?

“Này Ma-ha-nam, nếu sắc chỉ một mực là khổ, không phải lạc, không phải tùy lạc, không được trưởng dưỡng bởi lạc, xa lìa lạc, thì chúng sanh đã không nhân đây mà sanh ra sự ái lạc đắm trước. Nhưng, này Ma-ha-nam, sắc chẳng phải chỉ một mực là khổ, không phải lạc, mà là tùy lạc, được trưởng dưỡng bởi lạc, chẳng xa lìa lạc, cho nên chúng sanh nhiễm đắm sắc. Do nhiễm đắm nên bị trói buộc; vì bị trói buộc, nên có phiền não.

“Này Ma-ha-nam, nếu thọ, tưởng, hành, thức chỉ một mực là khổ, không phải lạc, không phải tùy lạc, không được trưởng dưỡng bởi lạc, xa lìa lạc, thì chúng sanh đã không nhân đây mà sanh ra sự ái lạc đắm trước. Nhưng, này Ma-ha-nam, vì... thức chẳng phải chỉ một mực là khổ, không phải lạc, mà là tùy lạc, được trưởng dưỡng bởi lạc, chẳng xa lìa lạc, cho nên chúng sanh nhiễm đắm... thức. Vì đã bị nhiễm đắm nên bị trói buộc; vì bị trói buộc nên sanh ra phiền não.

“Đó gọi là có sự cấu uế của chúng sanh là có nhân, có duyên.

“Ma-ha-nam, vì nhân gì, duyên gì mà chúng sanh thanh tịnh?

“Này Ma-ha-nam, nếu sắc chỉ một mực là lạc, chẳng phải khổ, chẳng phải tùy khổ, chẳng phải trưởng dưỡng ưu khổ, xa lìa khổ, thì chúng sanh không nên nhân sắc này mà sanh ra nhàm chán, xa lìa. Nhưng, này Ma-ha-nam, vì sắc chẳng phải chỉ một mực là lạc, mà là khổ, tùy khổ, nuôi lớn sâu khổ, chẳng xa lìa khổ, cho nên chúng sanh đối với sắc sanh ra nhàm chán, xa lìa. Vì nhàm chán nên không thích; vì không thích nên giải thoát.

“Này Ma-ha-nam, nếu thọ, tưởng, hành, thức chỉ một mực là lạc, chẳng phải khổ, chẳng phải tùy khổ, chẳng phải trưởng dưỡng ưu khổ,

¹⁷. Xuất ý ngữ -X=N-y. Pāli: adhivitti pada.

xa lìa khổ, thì chúng sanh không nên nhân nơi... thức mà sanh ra nhàm chán, xa lìa. Nhưng, này Ma-ha-nam, vì thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải chỉ một mực là lạc, mà là khổ, tùy khổ, nuôi lớn sâu khổ, chẳng xa lìa khổ, cho nên chúng sanh đối với sắc sanh ra nhàm chán, xa lìa. Vì nhàm chán nên không thích; vì không thích nên giải thoát.

“Này Ma-ha-nam, đó gọi là sự thanh tịnh của chúng sanh là có nhân, có duyên.”

Khi Ma-ha-nam nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

Bài kệ tóm tắt:

*Tri pháp cùng trọng đảm,
Vãng nghệ, quán, dục tham.
Kinh sanh và lược thuyết,
Pháp ấn, Phú-lan-na.*

M